

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH KHUNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH NGUYỄN SIÊU – NĂNG LỰC CHUNG

(Tháng 5/2021)

Thang đánh giá năng lực chung học sinh Nguyễn Siêu

Điều chỉnh: Bổ sung năng lực Trách nhiệm xã hội và Giải quyết vấn đề vào khung đánh giá năng lực chung của toàn bộ học sinh Nguyễn Siêu.

Bảng 1: Ma trận đánh giá năng lực học sinh Nguyễn Siêu theo khối học

Năng lực	6	7	8	9	10	11	12
Giao tiếp	x					x	
Hợp tác		x					x
Học cách học	x			x	x		
Tư duy phản biện		x	x		x	x	
Tư duy sáng tạo			x	x	x	x	x
Phát triển cảm xúc	x	x	x	x			x
Trách nhiệm xã hội	x	x	x	x	x	x	x
Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x

Tỉ trọng đánh giá năng lực chung học sinh Nguyễn Siêu

Bảng 2: Tỉ trọng đánh giá năng lực chung học sinh Nguyễn Siêu (Theo khối)

Năng lực	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Khối 10	Khối 11	Khối 12
Giao tiếp	20%					20%	
Hợp tác		20%					20%
Học cách học	20%			20%	20%		
Tư duy phản biện		20%	20%		20%	20%	
Tư duy sáng tạo			20%	20%	20%	20%	20%
Phát triển cảm xúc	20%	20%	20%	20%			20%
Trách nhiệm xã hội	20%	20%	20%	20%	20%	20%	20%
Giải quyết vấn đề	20%	20%	20%	20%	20%	20%	20%

Các khối lựa chọn lĩnh vực cốt lõi phù hợp với đặc điểm học sinh của từng khối và điều chỉnh tỉ trọng tương ứng trong bảng 3.

Bảng 3: Tỉ trọng đánh giá năng lực chung học sinh Nguyễn Siêu (Theo lĩnh vực cốt lõi)

Năng lực	Lĩnh vực cốt lõi	Tỉ trọng (%)
Giao tiếp	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh và đối tượng giao tiếp.	20
	Hiểu những phản hồi ngôn ngữ, cảm xúc của đối tượng giao tiếp.	20
	Khả năng quản lý cuộc hội thoại (bắt đầu, duy trì và kết thúc) một cách phù hợp.	40
	Sự tự tin và khả năng giao tiếp phi ngôn ngữ (mắt, biểu cảm khuôn mặt, ngôn ngữ cơ thể...)	20
Hợp tác	Xác định các nhiệm vụ, có kế hoạch, chiến thuật trong giải quyết các nhiệm vụ của nhóm và chia sẻ một cách công bằng giữa các thành viên.	20
	Tham gia vào các hoạt động nhóm, chia sẻ ý tưởng và thể hiện sự giải thích cho những đóng góp của cá nhân.	20
	Lắng nghe và đưa ra những đóng góp mang tính xây dựng.	20
	Làm việc hướng tới giải pháp phù hợp nhất cho vấn đề/nhiệm vụ.	30
	Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình làm việc nhóm.	10
Học cách học	Tìm kiếm và lựa chọn các phương pháp/kỹ thuật học tập phù hợp với đặc tính, nhu cầu của cá nhân với tình hình thực tiễn.	20
	Học tập theo mục tiêu: xác định mục tiêu học tập, quản lý thời gian , phát triển các chiến lược học tập và duy trì động lực để đạt được kết quả tốt nhất. Rèn luyện kỷ luật tự thân.	60
	Tự đánh giá thành công học tập của bản thân.	20
Phát triển cảm xúc	Tự nhận thức về cảm xúc của bản thân trong các tình huống và bối cảnh.	30
	Quản lý cảm xúc: tăng cường cảm xúc tích cực, giảm thiểu cảm xúc tiêu cực, tự điều chỉnh và phục hồi cảm xúc.	50
	Thấu hiểu và đồng cảm với cảm xúc của người khác.	20
Tư duy phản biện	Hiểu và phân tích các ý tưởng thông qua so sánh và tương phản cùng với việc thu thập thông tin toàn diện.	50
	Đánh giá các ý tưởng, lập luận trong quá trình xác định vấn đề và xem xét cách giải quyết chúng.	30
	Tổng hợp các ý tưởng và thông tin, huy động sự sáng tạo để tạo ra các ý tưởng mới.	20
Tư duy sáng tạo	Tham gia vào các hoạt động sáng tạo và các hoạt động thúc đẩy sự phát triển các kỹ năng sáng tạo.	20
	Tạo nội dung mới từ ý tưởng của riêng mình hoặc các tài nguyên khác; chú trọng sử dụng, khai thác các tài nguyên sẵn có, tài nguyên tái chế.	50
	Sử dụng nội dung mới được tạo để giải quyết vấn đề và cho thấy hiệu quả của giải pháp mới đó.	30
Trách nhiệm xã hội	Hành động có trách nhiệm đối với việc học tập và cuộc sống của bản thân.	20
	Hiểu và hành động với trách nhiệm là thành viên của một nhóm/lớp/trường và là một công dân.	20
	Đảm nhận tích cực vai trò của thành viên/lãnh đạo liên quan đến việc tình nguyện thực hiện các nhiệm vụ hoặc giải quyết vấn đề trong nhóm/lớp/trường/xã hội.	0
	Hiểu, tôn trọng văn hóa, không xâm phạm đến quyền và lợi ích của những người xung quanh.	20

	Hiểu và hành động đúng đắn đối với các vấn đề toàn cầu: dịch bệnh, sức khỏe, môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội.	40
Giải quyết vấn đề	Phát hiện và làm rõ (hiểu – phân tích) vấn đề.	20
	Đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp.	40
	Tìm kiếm sự trợ giúp và huy động các nguồn lực hỗ trợ.	20
	Đánh giá và điều chỉnh các giải pháp một cách linh hoạt, sáng tạo để đạt hiệu quả cao nhất.	20

Các giai đoạn phát triển năng lực chung học sinh Nguyễn Siêu

Năng lực	ĐTB
Cấp độ 1: Khởi đầu (Novice) Cần cải thiện đáng kể trong lĩnh vực đánh giá.	[1, 1.75]
Cấp độ 2: Đang hoàn thiện (Incomplete/Limited) Học sinh đạt tiêu chuẩn dự kiến nhưng cần tập trung hơn vào việc cải thiện trong lĩnh vực đánh giá.	(1.75, 2.5]
Cấp độ 3: Đang phát triển (Developing) Học sinh thường đáp ứng tiêu chuẩn dự kiến trong lĩnh vực đánh giá.	(2.5, 3.25]
Cấp độ 4: Phát triển (Proficient) Học sinh luôn đạt hoặc vượt tiêu chuẩn dự kiến trong lĩnh vực đánh giá.	(3.25, 4]

NĂNG LỰC GIAO TIẾP

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh và đối tượng giao tiếp.	1	Hỏi xin phép, đưa ra lời xin lỗi, đề nghị hoặc lời đồng ý và không đồng ý một cách phù hợp.
	2	Phản hồi phù hợp với những lời mời, lời đề xuất hoặc lời xin lỗi.
	3	Thay đổi tông giọng khi tham gia diễn kịch/đóng vai để thể hiện những cảm xúc khác nhau của nhân vật.
	4	Sử dụng ngôn ngữ (Tiếng Việt, Tiếng Anh) để chào hỏi và giao tiếp phù hợp, lịch sự với các đối tượng khác nhau trong các bối cảnh khác nhau (trong nước và quốc tế).
	5	Điều chỉnh ngôn ngữ để phù hợp với người mà mình đang giao tiếp (bạn bè, thầy cô, cha mẹ, người lạ...)
	6	Biết đàm phán, thuyết trình để thu hút người nghe/đọc.
	7	Biết sắp xếp, liên kết một văn bản viết/nói một cách hợp lý và có liên quan đến chủ đề, có tính liên kết.
	8	Thể hiện sự hiểu biết trong việc lựa chọn chủ đề thích hợp cho cuộc nói chuyện dựa vào hoàn cảnh thực tế.
Hiểu những phản hồi ngôn ngữ, cảm xúc của đối tượng giao tiếp.	9	Hiểu được các quy tắc cơ bản và chuẩn mực xã hội trong giao tiếp
	10	Quan sát và ghi nhớ để hiểu về đối tượng giao tiếp.
	11	Hiểu và chuẩn bị nội dung cần truyền đạt, báo cáo.
	12	Chủ động thể hiện ý kiến cá nhân và phản ứng lịch sự với ý kiến của người khác.
	13	Hiểu được suy nghĩ, hành vi, thái độ, cảm xúc của người khác trong cuộc giao tiếp.
	14	Nhận thấy được sự hiểu lầm hoặc sự cố xảy ra trong một cuộc nói chuyện hay thảo luận.
Khả năng quản lý	15	Có thể sắp xếp thứ tự nói phù hợp trong một cuộc nói chuyện.
	16	Có thể cắt ngang lời người đang nói một cách lịch sự.

cuộc hội thoại (bắt đầu, duy trì và kết thúc) một cách phù hợp.	17	Có thể cố gắng sử dụng những từ ngữ thay thế cho những từ ngữ đã dùng mà người nghe không hiểu.
	18	Có thể hỏi để xác nhận lại trong trường hợp không hiểu những gì người nói đang nói.
	19	Có thể chia sẻ ý tưởng của mình với bạn bè trước khi thực hiện một bài viết hay nói, để cải thiện bài làm của mình, khi cần thiết.
	20	Phát triển một bài miêu tả hoặc tường thuật với trình tự hợp lý.
	21	Lựa chọn chủ đề thích hợp cho cuộc nói chuyện.
	22	Điều chỉnh ngôn ngữ và đưa ra ý kiến thuyết phục người mình đang giao tiếp
	23	Diễn giải lại lời của người đối diện nhằm giúp ích cho cuộc trò chuyện.
	24	Xử lý sự hiểu lầm trong một cuộc nói chuyện hay thảo luận.
Sự tự tin và khả năng giao tiếp phi ngôn ngữ (mắt, biểu cảm khuôn mặt, ngôn ngữ cơ thể...)	25	Có thể phát biểu trong tiết học qua những câu hỏi, câu trả lời hay giải thích vốn hiểu của mình.
	26	Có thể kể một câu chuyện hoặc giải thích một sự việc một cách đơn giản.
	27	Có thể sử dụng những từ nối như “và” hoặc “bởi vì” để liên kết các cụm từ với nhau.
	28	Sử dụng những cử chỉ phi ngôn ngữ (điều bộ, ánh mắt, cười...) phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.
	29	Nói chuyện hiệu quả với người mà mình chưa quen.
	30	Sử dụng những chiến thuật thích hợp để phát triển cuộc trò chuyện (thể hiện sự hứng thú, phản hồi, đặt câu hỏi...)

NĂNG LỰC HỢP TÁC

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Tham gia vào các hoạt động nhóm, chia sẻ ý tưởng và thể hiện sự giải thích cho những đóng góp của cá nhân.	1	Tham gia hoạt động với thái độ tích cực bằng cử chỉ, ánh mắt, nụ cười, giọng nói.
	2	Làm theo hướng hướng dẫn và đóng góp những ý kiến phù hợp với nhiệm vụ của mình mà nhóm đã giao.
	3	Đề xuất những ý tưởng, quan điểm có liên quan để hoàn thành nhiệm vụ của cả nhóm.
	4	Chia sẻ những ý tưởng, quan điểm mới để phát triển các nội dung thảo luận nhóm.
	5	Hiểu tâm quan trọng của việc tôn trọng các ý kiến của các thành viên trong nhóm, bao gồm cả ý tưởng khác biệt.
	6	Đưa ra phản hồi thích hợp và mang tính xây dựng cho các thành viên khác trong nhóm.
	7	Tìm ra những điểm mới và liên quan để phát triển và hoàn thiện các nội dung thảo luận nhóm.
	8	Công nhận những thế mạnh khác biệt của các thành viên trong nhóm.
	9	Khuyến khích, động viên, hỗ trợ các thành viên trong nhóm tham gia tích cực vào các nhiệm vụ của nhóm.
Lắng nghe và đưa ra những đóng góp mang	10	Lắng nghe và phát biểu đúng lúc, có các câu trả lời phù hợp.
	11	Chờ đến lượt mình nói, ngắt lời một cách lịch sự khi thích hợp.
	12	Thể hiện quan điểm cá nhân về ý kiến của các thành viên khác một cách tôn trọng.
	13	Làm rõ ý kiến của các thành viên khác bằng cách đưa ví dụ hoặc giải thích cụ thể hơn.

tính xây dựng.	14	Xác định được những ý kiến đồng thuận và những ý kiến đối lập.
	15	Biết lựa chọn cách thức đưa ra các vấn đề tranh luận trước khi trả lời.
	16	Ghi nhận đóng góp có giá trị của các thành viên trong nhóm.
	17	Quan tâm đến những gì người khác đang nói bằng cách mỉm cười, gật đầu và giao tiếp bằng mắt.
	18	Đóng góp các ý kiến, bao gồm cả những ý tưởng đại diện cho một quan điểm đối lập.
	19	Góp ý, xây dựng dựa trên những gì người khác đã nói, để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.
Xác định các nhiệm vụ, có kế hoạch, chiến thuật trong giải quyết các nhiệm vụ của nhóm và chia sẻ một cách công bằng giữa các thành viên.	20	Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và sẵn sàng tiếp nhận những thử thách mới
	21	Lên kế hoạch, xác định mục tiêu, phương thức, nội dung của hoạt động nhóm.
	22	Phân công nhiệm vụ, làm rõ các nhiệm vụ tới từng thành viên trong nhóm.
	23	Tổ chức và duy trì các cuộc thảo luận nhóm trong quá trình làm việc một cách tích cực.
	24	Đưa ra các ý tưởng, giải pháp mới có liên quan đến ý tưởng, giải pháp của các thành viên trong nhóm.
	25	Thay đổi, điều chỉnh các hoạt động, tiến trình làm việc khi có các ý kiến mới hợp lý.
	26	Gắn kết các thành viên trong nhóm để giúp đỡ, chia sẻ, học hỏi lẫn nhau.
	27	Xác định mục tiêu, phương thức, nội dung của hoạt động hợp lực. Sẵn sàng nhận nhiệm vụ được nhóm phân công.
	28	Xác định các bước cần thiết để hoàn thành một nhiệm vụ.
	29	Nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của từng thành viên và có phương án giúp đỡ các bạn hoàn thành nhiệm vụ chung.
Làm việc hướng tới giải pháp phù hợp nhất cho vấn đề/nhiệm vụ.	30	Phân chia vai trò và nhiệm vụ một cách công bằng và phù hợp với năng lực của các thành viên trong nhóm.
	31	Nhận ra điểm đúng trong giải pháp của nhóm và khuyến khích các thành viên trong nhóm đồng thuận để đi đến thống nhất.
	32	Đưa ra các ý tưởng, giải pháp mới dựa trên các ý tưởng, giải pháp của các thành viên trong nhóm; điều chỉnh các hoạt động, tiến trình làm việc khi có các ý kiến đóng góp xây dựng hợp lí.
	33	Biết đánh giá những đóng góp của chính mình và của các bạn trong nhóm trong việc hoàn thành nhiệm vụ tổng thể.
	34	Nhận thức được những bất đồng về quan điểm hoặc cách tiếp cận khác nhau về một nhiệm vụ trong nhóm và giải thích được lý do cho sự khác biệt đó.
	35	Biết công nhận các quan điểm khác nhau (cả những quan điểm đối lập) nhưng phải giữ tập trung vào nhiệm vụ chính, không cho phép sự khác biệt về quan điểm dẫn đến chuyển hướng sự chú ý.
	36	Nhận ra điểm đúng để đồng ý với giải pháp và khuyến khích người khác đồng ý hoặc thu hẹp các ý kiến đồng thời chủ động đi đến thỏa thuận.
Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình làm việc nhóm.	37	Biết tìm những điểm chung nhất khi có 2 quan điểm trái chiều, để đi đến thống nhất.
	38	Biết dừng lại và suy ngẫm (tạm dừng phản ứng).
	39	Biết giải quyết vấn đề trên quan điểm đặt lợi ích của nhóm (tập thể) lên hàng đầu.
	40	Đưa ra được các đề xuất giúp giải quyết những khác biệt về quan điểm trong một nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

NĂNG LỰC HỌC CÁCH HỌC

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Tìm kiếm và lựa chọn các phương pháp/kỹ thuật học tập phù hợp với đặc tính, nhu cầu của cá nhân.	1	Tập trung, lắng nghe, ghi chép những nội dung bài học trên lớp.
	2	Ghi chép bài học một cách có hệ thống và ghi chú những kiến thức trọng tâm.
	3	Có ý thức tham gia các hoạt động học tập trên lớp một cách tích cực.
	4	Học hỏi các phương pháp học tập hiệu quả.
	5	Biết cách ôn tập tập trung vào các kiến thức và kỹ năng trọng tâm.
	6	Sắp xếp thời gian, không gian học tập khoa học, hiệu quả.
	7	Biết cách quản lý thời gian và rèn luyện kỉ luật tự thân như lập thời gian biểu.
	8	Tham gia các hoạt động học trên lớp một cách chủ động, tích cực.
	9	Kết hợp một cách hiệu quả các kỹ năng: quan sát, lắng nghe, ghi chép, suy nghĩ và phản hồi.
	10	Có kế hoạch ôn tập đảm bảo việc hệ thống hóa và khái quát được các kỹ năng, kiến thức quan trọng.
	11	Chọn lọc và sử dụng các nguồn tài liệu học tập bổ ích: trên internet, tại thư viện,...
	12	Chủ động tìm kiếm, lựa chọn và áp dụng các phương pháp học tập có hiệu quả cho bản thân.
	13	Điều chỉnh các phương pháp học tập cho phù hợp với thực tiễn một cách hiệu quả.
Học tập theo mục tiêu: xác định mục tiêu học tập, phát triển các chiến lược học tập và duy trì động lực để đạt được kết quả tốt nhất.	14	Biết cách đặt mục tiêu học tập cho bản thân.
	15	Biết cách lập thời gian biểu cá nhân để quản lý việc học tập.
	16	Tìm kiếm tài liệu học tập qua các nguồn khác nhau như: thư viện, internet.
	17	Trao đổi với các bạn cùng lớp để hiểu kiến thức và làm bài tốt hơn.
	18	Hỏi bạn bè, thầy cô để nhờ giúp đỡ khi gặp khó khăn trong học tập.
	19	Chủ động tham gia các hoạt động nhóm và tương tác trong học tập.
	20	Xác định được mục tiêu học tập ngắn hạn và dài hạn cho bản thân.
	21	Lập kế hoạch để hoàn thành các mục tiêu đề ra.
	22	Theo dõi việc thực hiện mục tiêu, ưu tiên việc quan trọng, cân bằng giữa việc học và rèn luyện sức khỏe.
	23	Có thể giải quyết vấn đề học tập một cách độc lập khi cần thiết.
	24	Biết cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp khó khăn trong học tập.
	25	Biết cách kiểm soát những cảm xúc lo lắng, thất vọng, chán nản hoặc căng thẳng trong học tập.
	26	Biết cách giải tỏa căng thẳng và tăng cường cảm xúc tích cực trong học tập.
	27	Biết tìm kiếm động lực học tập cho bản thân.
Tự đánh giá thành công học tập của bản thân	28	Thể hiện khả năng suy nghĩ về việc con đang học tập tốt ra sao.
	29	Lắng nghe, phản hồi một cách tích cực và hiểu tại sao con làm chưa đúng hoặc mắc lỗi sai.
	30	Có thể suy nghĩ về sự tiến bộ của mình.
	31	Có thể học từ lỗi sai của mình và rút kinh nghiệm cho lần sau.
	32	Có thể tập trung chú ý và kiểm soát những yếu tố gây xao nhãng quá trình học tập (tiếng ồn, bạn bè...).
	33	Có thể điều chỉnh những phản ứng có tính cảm xúc (lo lắng, thất vọng, xung đột với các bạn khác).
	34	Nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân ở từng môn học.

35	Xác định được những nội dung cần học lại trước khi chuyển sang những nội dung mới.
36	Có kế hoạch ôn tập đảm bảo việc hệ thống hóa và khái quát được các kỹ năng, kiến thức quan trọng.
37	Tự đánh giá quá trình học tập của mình dựa trên các mục tiêu đã đề ra.
38	Ghi lại sự tiến bộ trong học tập để đánh giá việc học tập của bản thân và thiết lập các mục tiêu mới.
39	Biết cách tự khích lệ bản thân kể cả khi không đạt được mục tiêu mong muốn.
40	Có kế hoạch và biện pháp cụ thể để phát huy hoặc cải thiện các kiến thức, kỹ năng, phát huy điểm mạnh của bản thân.

NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Hiểu và phân tích các ý tưởng thông qua so sánh và tương phản cùng với việc thu thập thông tin toàn diện.	1	So sánh các loại thông tin khác nhau (tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt).
	2	Giải thích tại sao mọi việc xảy ra (xác định nguyên nhân và kết quả trong một câu chuyện).
	3	So sánh các điểm và lập luận từ các nguồn khác nhau.
	4	Xác định được cấu trúc cơ bản của một lập luận.
	5	Hiểu được sự kết nối logic giữa các ý tưởng.
	6	Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản hoặc một cuộc tranh luận.
	7	Xác định được những vấn đề quan trọng, những vấn đề còn đang tranh cãi.
	8	Nhận thức được các nội dung chính xác và có căn cứ làm cơ sở xây dựng các lập luận.
	9	Xác định được các mâu thuẫn và sai lầm phổ biến thường gặp trong lập luận.
	10	So sánh, đối chiếu vấn đề dưới những góc độ và quan điểm khác nhau.
Đánh giá các ý tưởng, lập luận trong quá trình xác định vấn đề và xem xét cách giải quyết chúng.	11	Phân biệt được giữa thực tế và ý kiến.
	12	Đưa ra những lý do cho một lập luận hợp lý.
	13	Xác định các vấn đề trong kế hoạch đề xuất (VD: Tổ chức một sự kiện ở lớp, ở trường).
	14	Phân tích nguyên nhân và ảnh hưởng của vấn đề.
	15	Xem xét các giải pháp khả thi cho một vấn đề nhất định và cho biết mức độ hiệu quả của chúng.
	16	Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của các giải pháp có thể.
	17	Nhận ra sự minh bạch, đúng đắn và công bằng của các lập luận và quan điểm khác nhau.
	18	Chỉ ra được các lập luận chưa có tính thuyết phục và có khả năng phản biện lại các lập luận đó.
	19	Sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chính xác để diễn giải các lập luận một cách thuyết phục.
	20	Tôn trọng, sẵn sàng đón nhận các quan điểm đối lập và các quan điểm khác nhau.
	21	Vận dụng suy nghĩ độc lập và tư duy phản biện để đưa ra quan điểm cá nhân.
	22	Tìm kiếm những nguồn thông tin liên quan để tăng hiểu biết của mình về vấn đề phản biện, biết áp dụng các bằng chứng mới cho các lý thuyết hiện có.
	23	Xác định được các vấn đề sẽ được giải quyết trong một dự án được phân công.
	24	Suy luận ra những hệ quả từ những gì mình biết và sử dụng thông tin để giải quyết vấn đề.

Tổng hợp các ý tưởng và thông tin, huy động sự sáng tạo để tạo ra các ý tưởng mới.	25	So sánh các quan điểm và lập luận từ các nguồn khác nhau.
	26	Lựa chọn các điểm chính từ các nguồn khác nhau để xây dựng một quan điểm hoặc lập luận mới.
	27	Xác định và truy cập các nguồn kiến thức phù hợp để theo đuổi các giải pháp cho vấn đề.
	28	Phân tích, đánh giá chất lượng thông tin thu được.
	29	Kết nối nội dung của vấn đề cần giải quyết với kiến thức đã biết.
	30	Tự tin vào khả năng của bản thân, sử dụng các kỹ năng cần thiết để lập luận chặt chẽ.

NĂNG LỰC TƯ DUY SÁNG TẠO

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Tham gia vào các hoạt động sáng tạo và các hoạt động thúc đẩy sự phát triển các kỹ năng sáng tạo.	1	Tham gia vào các trò chơi đóng vai hoặc diễn kịch.
	2	Khích lệ các thành viên trong nhóm tạo ra các trò chơi đóng vai hoặc những hoạt động trở nên độc đáo và giàu trí tưởng tượng hơn.
	3	Tham gia các hoạt động có liên quan đến âm nhạc bằng cách giải thích về âm thanh và giai điệu.
	4	Chủ động tham gia trò chơi "Nếu... thì..."
	5	Chủ động tham gia các hoạt động đòi hỏi tư duy sáng tạo theo nhóm.
	6	Tích cực tham gia vào các buổi thảo luận với các chủ đề mở, các tình huống giả định, yêu cầu trí tưởng tượng, tư duy mang tính mới mẻ.
	7	Tự tin tham gia vào các hoạt động thuộc lĩnh vực nghệ thuật như sân khấu, âm nhạc, hội họa, ... trong phạm vi lớp, trường, địa phương...
	8	Tích cực tham gia vào các hoạt động đòi hỏi tư duy sáng tạo, vận dụng những kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
	9	Khích lệ, hướng dẫn các thành viên khác cùng sáng tạo trong các hoạt động tập thể như: HĐTN, SH chủ điểm ...
Tạo nội dung mới từ ý tưởng của riêng mình hoặc các tài nguyên khác.	10	Thiết kế tờ rơi hoặc trang web bằng những ý tưởng sáng tạo.
	11	Sáng tác thơ, vẽ tranh về các sự kiện, nội dung trong bài học hoặc thực tiễn.
	12	Thể hiện quan điểm cá nhân về cách tác phẩm nghệ thuật âm nhạc, hội họa hay văn học.
	13	Tạo ra các bản chuyển thể của các bài hát, bài thơ hoặc câu chuyện để thể hiện sự suy ngẫm, cảm xúc và hứng thú hoặc bản sắc cá nhân.
	14	Đặt ra các tình huống có vấn đề thu hút được mọi người cùng tham gia thảo luận trong các phạm vi: lớp, trường, gia đình, xã hội.
	15	Đề xuất được các ý tưởng mới, có tính khả thi khi giải quyết các vấn đề.
	16	Thể hiện và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong tiếp nhận những tác phẩm nghệ thuật.
	17	Tái hiện một sự kiện, một vấn đề bằng nhiều hình thức sáng tạo.
	18	Dựa trên ý tưởng, sản phẩm sáng tạo của người khác để tạo ra sản phẩm có giá trị, mang dấu ấn cá nhân của mình.
Sử dụng nội dung mới được tạo để giải	19	Sử dụng một cách hiệu quả những ý tưởng mới để giải quyết một nhiệm vụ, một vấn đề nào đó.
	20	Thể hiện các góc nhìn, quan điểm mới thông qua các bài tập dự án hoặc bài luận.
	21	Thiết kế các tài liệu sáng tạo phức tạp (trang web, tờ rơi, bài thuyết trình...) để giải thích về một điều gì đó hoặc chia sẻ các thông tin mới.

quyết vấn đề và cho thấy hiệu quả của giải pháp mới đó.	22	Sử dụng các ý tưởng mới để thuyết phục người khác, giải quyết vấn đề, hoàn thành nhiệm vụ hoặc đưa ra quan điểm.
	23	Lựa chọn và sử dụng một cách linh hoạt, hài hòa các giải pháp khác nhau khi xử lý các tình huống, giải quyết các nhiệm vụ.
	24	Đánh giá kết quả của việc áp dụng cái mới trong giải quyết các vấn đề và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Phát hiện và làm rõ (hiểu – phân tích) vấn đề.	1	Đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề.
	2	Chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.
	3	Xem xét các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng.
	4	Phát hiện được đúng vấn đề, làm rõ được mục tiêu cụ thể.
	5	Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.
	6	Phân tích được tình huống trong học tập và cuộc sống.
	7	Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập và cuộc sống.
	8	Chủ động tìm hiểu vấn đề cần giải quyết và chia sẻ sự hiểu biết của mình về vấn đề đó.
	9	Xác định được nguyên nhân và giải thích được tình huống có vấn đề.
	10	Có khả năng tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau để hình thành những ý tưởng mới.
Đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp.	11	Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề cần giải quyết.
	12	Đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.
	13	So sánh, bình luận về các giải pháp được đề xuất.
	14	Lựa chọn các thông tin phù hợp liên quan đến vấn đề cần giải quyết, sắp xếp thông tin một cách có hệ thống và theo thứ tự ưu tiên.
	15	Xác định các phương án có thể giải quyết được vấn đề, phân tích các giải pháp và lựa chọn phương án hiệu quả nhất.
	16	Đề xuất giải pháp mới cải tiến thay thế các giải pháp không còn phù hợp.
Tìm kiếm sự trợ giúp và huy động các nguồn lực hỗ trợ.	28	Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp.
	29	Phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động.
	31	Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp.
	32	Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động.
	34	Thiết lập tiến trình giải quyết vấn đề một cách khoa học.
	35	Tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh như thầy cô, bạn bè để cùng tham gia giải quyết vấn đề.
36	Vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết vấn đề.	
Đánh giá và điều chỉnh các giải pháp	37	Đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp.
	38	Điều chỉnh các giải pháp một cách linh hoạt, sáng tạo để đạt hiệu quả cao nhất.
	39	Biết rút kinh nghiệm cho những vấn đề tương tự.
	40	Đúc kết được những kiến thức và kỹ năng có được sau khi thực hiện giải pháp.

một cách linh hoạt, sáng tạo để đạt hiệu quả cao nhất.	41	Đánh giá được tính hiệu quả của các giải pháp đã thực hiện (ưu, nhược điểm của các giải pháp) để từ đó có thể mở rộng và nâng cao những kiến thức xã hội của mình.
	42	Vận dụng được năng lực giải quyết vấn đề vào trong thực tiễn cuộc sống, hình thành kỹ năng giao tiếp, tổ chức, khả năng tư duy, tinh thần hợp tác...
	43	Điều chỉnh kế hoạch và thực hiện kế hoạch cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt được hiệu quả cao.

NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN CẢM XÚC

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Tự nhận thức về cảm xúc của bản thân trong các tình huống và bối cảnh.	1	Mô tả được những cảm xúc khác nhau.
	2	Mô tả được những điều khiến bản thân thấy vui, buồn hoặc lo lắng.
	3	Hiểu rằng bản thân có thể có nhiều hơn một cảm xúc cho cùng một tình huống/sự kiện nhưng những cảm xúc này có liên quan/tương tự nhau (VD: buồn bã và tức giận).
	4	Nói ra những cảm xúc của mình và so sánh với cảm xúc của những người khác.
	5	Giải thích về những nguyên nhân gây ra cảm xúc tiêu cực của bản thân.
	6	Dự đoán được những tình huống tích cực hoặc tiêu cực để chủ động tìm kiếm và nuôi dưỡng cảm xúc tích cực hoặc tránh xa những cảm xúc tiêu cực.
	7	Nhận ra những điểm yếu của mình và hiểu rằng đó chính là nguyên nhân kích hoạt những cảm xúc của bản thân.
	8	Hiểu rằng các cảm xúc ở các hoạt động khác trong cuộc sống có thể ảnh hưởng đến cảm xúc trong học tập.
Quản lý cảm xúc: tăng cường cảm xúc tích cực, giảm thiểu cảm xúc tiêu cực, tự điều chỉnh và phục hồi cảm xúc.	9	Biết cách kiểm soát cảm xúc khi buồn bã hoặc căng thẳng.
	10	Kiểm soát được mức độ phấn khích trong lớp học.
	11	Hiểu được mức độ quan trọng của việc tự quản lý cảm xúc.
	12	Tự trấn an/khích lệ bản thân.
	13	Mô tả được những cách thức để đối mặt với tình huống khó khăn.
	14	Phản ứng thích hợp với lời khen ngợi, thất bại và những góp ý của những người xung quanh.
	15	Chia sẻ cảm xúc của bản thân với bạn bè/thầy cô và lựa chọn cách đối diện hiệu quả với những cảm xúc đó.
	16	Biết cách giảm thiểu căng thẳng, khó chịu hay giận dữ.
	17	Rút ra được kinh nghiệm từ những trải nghiệm của bản thân và tập trung chính vào nhiệm vụ thay vì những cảm xúc tiêu cực.
	18	Giữ được bình tĩnh, có thể giảm thiểu các tác nhân gây cảm xúc tiêu cực.
	19	Quản lý căng thẳng bằng cách sử dụng các phương pháp phù hợp.
	20	Nhìn lại những trải nghiệm cá nhân về cảm xúc và quản lý cảm xúc (viết nhật ký hàng ngày...)
Thấu hiểu và đồng cảm với cảm xúc của người khác.	21	Nhận biết được cảm xúc của người khác, giúp đỡ và an ủi người khác khi cần.
	22	Thể hiện sự hối hận sau khi làm sai, đặc biệt nếu việc đó làm tổn thương hoặc làm phiền người khác.
	23	Thể hiện sự quan tâm và lòng trắc ẩn đối với bạn bè khi bạn bị tổn thương hoặc buồn bã.
	24	Biết cách trở thành một người bạn tốt (chia sẻ, lắng nghe, giúp đỡ, tôn trọng cảm xúc và đồ vật của người khác, nhận biết được ai đó đang cảm thấy không vui, không khỏe hoặc bị bỏ rơi...).

25	Biết cách chia sẻ trải nghiệm của bản thân để hỗ trợ những người khó khăn về cảm xúc.
26	Tránh làm những điều gây ra cảm xúc tiêu cực cho những người xung quanh.
27	Duy trì mối quan hệ tích cực với thầy cô, bạn bè.
28	Thể hiện sự thấu hiểu đối với quan điểm và cảm xúc của người khác.
29	Hiểu quan điểm và cảm xúc của người khác, có thể hỗ trợ về mặt cảm xúc cho những người đang gặp khó khăn.
30	Tránh nói những điều có thể gây ra bất đồng hoặc tranh cãi.

NĂNG LỰC TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Lĩnh vực đánh giá	TT	Hành vi mong đợi
Hành động có trách nhiệm đối với việc học tập và cuộc sống của bản thân.	1	Có những thói quen tốt cho sức khỏe và môi trường (chế độ ăn uống, tập thể dục, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường...)
	2	Tuân thủ những quy tắc của trường, lớp và thể hiện sự tôn trọng đối với những thứ thuộc về trường học hoặc những người khác.
	3	Chịu trách nhiệm cho những sai lầm của bản thân.
	4	Thể hiện được vai trò, trách nhiệm của mình với các thành viên khác trong tập thể.
	5	Chia sẻ ý kiến về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội.
	6	Hiểu sự khác biệt giữa niềm tin và hành động.
Hiểu và hành động với trách nhiệm là thành viên của một nhóm/lớp/trường và là một công dân.	7	Đóng góp ý kiến cho tập thể một cách tích cực.
	8	Có trách nhiệm và hành động đúng đắn với vai trò là một thành viên trong nhóm.
	9	Sử dụng tư duy cùng thắng trong các hoạt động tập thể.
	10	Thực hiện đúng nội quy khi đến các di tích văn hóa, lịch sử hoặc nơi công cộng trong quá trình học tập và cuộc sống.
	11	Nhận biết, phân tích được vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong lớp, trong trường.
	12	Tham gia vào các hoạt động xã hội vì cộng đồng (làm từ thiện, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy vẻ đẹp văn hóa dân tộc).
	13	Truyền cảm hứng cho những thành viên khác trong nhóm, tập thể.
Đảm nhận vai trò tích cực/lãnh đạo liên quan đến việc tình nguyện thực hiện các nhiệm vụ hoặc giải quyết vấn đề trong nhóm/lớp/trường/xã hội.	14	Thể hiện sự tự tin khi nói trước đám đông.
	15	Xây dựng nhóm và quản lý các thành viên trong hoạt động tập thể.
	16	Đặt ra chiến lược và kế hoạch làm việc cho nhóm.
	17	Truyền đạt các mục tiêu, định hướng cho các thành viên trong nhóm.
	18	Chủ động tham gia ứng cử vào các vị trí lãnh đạo trong lớp, trong trường; có trách nhiệm quản lý các nhóm hoạt động vì lợi ích của tập thể.
	19	Biết cách truyền đạt các ý tưởng, mục tiêu, hành động cho các hoạt động nhóm.
	20	Tham gia vào việc đưa ra quyết định trong tập thể.
	21	Có vai trò tích cực trong việc giải quyết các bất đồng trong nhóm.
	22	Giải quyết các mâu thuẫn trong nhóm/lớp một cách hòa bình.
Hiểu, tôn trọng văn hóa, không	23	Xác định sự tương đồng và khác biệt giữa các dân tộc và các quốc gia (tên, vị trí địa lý, ngôn ngữ, phong tục tập quán...)

xâm phạm đến quyền và lợi ích của những người xung quanh.	24	Hiểu và tôn trọng sự khác biệt về giá trị và quan điểm của từng cá nhân trong tập thể.
	25	Tôn trọng sự khác biệt về quan điểm và giá trị của mỗi cá nhân được hình thành và bị chi phối bởi nhiều yếu tố (văn hóa, tôn giáo, giới tính, địa vị kinh tế - xã hội, giáo dục...)
	26	Nhận thức được các mặt tích cực và tiềm năng của sự khác biệt (đối lập) các giá trị văn hóa và biết so sánh các nền văn hóa, xã hội khác nhau.
	27	Nhận thức được các mặt tích cực và sự khác biệt giữa các giá trị văn hóa; biết so sánh các nền văn hóa, xã hội khác nhau.
Hiểu và hành động về các vấn đề toàn cầu: sức khỏe, môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội.	28	Nhận thức được các vấn đề toàn cầu khác nhau: nghèo đói, ô nhiễm môi trường, nóng lên toàn cầu, nhân quyền, bệnh dịch...
	29	Hiểu hệ thống kinh tế và chính trị Việt Nam và thế giới.
	30	Hiểu và tôn trọng các quan điểm khác nhau về văn hóa toàn cầu.
	31	Đưa ra những lựa chọn liên quan đến sức khỏe, môi trường (chế độ ăn uống, sinh hoạt, sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường...)
	32	Nhận biết được sự liên kết giữa các vấn đề, sự kiện và xu hướng toàn cầu.
	33	Chia sẻ những quan điểm về sự lựa chọn liên quan đến sức khỏe, môi trường (chế độ ăn uống, sinh hoạt, sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường...)
	34	Tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể ở địa phương hoặc quốc gia và toàn cầu thông qua các hoạt động cụ thể: như tổng vệ sinh trong trường, khu phố, công tác làm từ thiện...
	35	Hiểu được sự liên kết và những quan điểm khác nhau giữa các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa mang xu hướng toàn cầu.
36	Thực hiện nghiêm túc phòng chống dịch cho bản thân, gia đình và cộng đồng	